

Với bộ tài liệu giải bài tập SBT Tiếng anh lớp 8 **Unit 11: Science and technology** SBT chi tiết nhất được tổng hợp kiến thức trọng tâm của bài và lời giải hay của các bài tập trong sách bài tập nằm trong nội dung chương trình giảng dạy bộ môn Tiếng anh lớp 8 giúp các em học sinh dễ dàng tiếp thu và củng cố kiến thức trong quá trình học tập. Mời quý thầy cô cùng các em học sinh tham khảo bài viết chi tiết dưới đây.

*Giải Tiếng Anh 8 SBT Phonetics trang 36 sách mới*

**1. Find the word...(Tìm từ có trọng âm khác với những từ còn lại trong từng dòng.)**

1. B 2. D 3. C 4. C 5. A

**Giải thích:**

1. kindness trọng âm một (/ˈkain(d)nəs/), còn lại trọng âm hai.
2. impolite trọng âm ba (/ˌɪmpəˈlaɪt/), còn lại trọng âm hai.
3. untidy trọng âm hai (/ʌnˈtaɪdi/), còn lại trọng âm ba.
4. unrelated trọng âm ba (/ˌʌnrɪˈleɪtɪd/), còn lại trọng âm hai.
5. unlimited trọng âm hai (/ʌnˈlɪmɪtɪd/), còn lại trọng âm ba.

**2. Write the opposite ...(Viết từ trái nghĩa của các từ sử dụng un- hoặc im- và sau đó đọc các từ to lên.)**

1. unhappy 2. unavailable
3. improper 4. unimportant
5. unsafe 6. imperfect
7. immobile 8. Unusual

**3. Read the following sentences... (Đọc các câu sau to lên, chú ý đến các từ với tiền tố un- và im-.)**

1. He said that he was unable to do well in sciences at school.

2. With the coming of modern technology, many people will become unemployed.
3. Although we can cure many diseases, our understanding of cancer remains imperfect.
4. His unhealthy diet has weakened him badly.
5. It's no good being impatient with small children.
6. Cooking for six people would be impossible without my mother!

**Hướng dẫn dịch:**

1. Anh ấy nói rằng anh ấy không thể học tốt các môn khoa học ở trường.
2. Với sự tiến bộ của công nghệ hiện đại, nhiều người sẽ thất nghiệp.
3. Mặc dù chúng ta có thể chữa nhiều căn bệnh, sự hiểu biết của chúng ta về ung thư vẫn chưa hoàn toàn đầy đủ.
4. Chế độ ăn uống không tốt đã làm sức khỏe anh ấy suy giảm trầm trọng.
5. Không tốt chút nào khi không kiên nhẫn với trẻ nhỏ.
6. Không có mẹ, tôi không thể nào nấu ăn đủ cho 6 người.

**Giải SBT Anh 8 mới Vocabulary - Grammar trang 36 - 37 - 38**

**1. Choose the correct answer A, B, C, or D. (Chọn đáp án đúng A, B, C hay D.)**

1. C	2. A	3. D	4. D
5. B	6. D	7. C	8. A

**Hướng dẫn dịch:**

1. Nếu bây giờ có thầy giáo ở đây, chúng tôi sẽ hỏi thầy sự khác nhau giữa khoa học và công nghệ.
2. Cô ấy cần nghiên cứu về kỹ thuật phỏng vấn nếu cô ấy muốn có việc làm.

3. Thầy giáo nói với tôi rằng tôi nên dành nhiều thời gian hơn cho các môn khoa học chẳng hạn như vật lý, hóa học và sinh học.
4. Khoa học được sử dụng ở mọi góc ngách trên thế giới vì lợi ích của con người.
5. Trí tuệ nhân tạo là một lĩnh vực nghiên cứu làm cho máy tính sao chép cách cư xử thông minh của con người.
6. Bảo vệ công nghệ và thông tin về công nghệ đã trở thành một nỗi quan ngại quan trọng đối với nhiều nước.
7. Nếu bạn phát minh ra cái gì đó, bạn nên xin cấp bằng sáng chế càng sớm càng tốt.
8. Phát minh mới có thể có nhiều ứng dụng trong công nghiệp.

**2. Use the correct form of the words given to complete the sentences. (Sử dụng dạng đúng của các từ được cho để hoàn thành các câu.)**

1. chemical	2. Impolite	3. leaders
4. renewable	5. Technician	6. Mathematician

**Hướng dẫn dịch:**

1. Calo trong thức ăn mà chúng ta ăn là một dạng của năng lượng hóa học.
2. Cô ấy nói rằng anh ấy thật mất lịch sự khi hỏi tuổi của cô ấy.
3. Apple Inc. đã trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực phần mềm máy tính.
4. Anh ấy tiến hành nghiên cứu mở rộng các nguồn năng lượng có thể tái chế (chẳng hạn như năng lượng gió hay nước).
5. Mẹ tôi làm việc như là một nhân viên kỹ thuật phòng thí nghiệm tại một công ty lớn.
6. Một nhà khoa học người mà nghiên cứu về số, hình dạng, lượng, và mối quan hệ giữa chúng là một nhà toán học.

**3. Find one word that does not belong in each group. (Chọn một từ không thuộc trong nhóm.)**

1. C	2. D	3. A	4. B	5. D
------	------	------	------	------

**4. Give the correct form...(Cho dạng đúng của các động từ trong ngoặc để hoàn thành các câu.)**

1. will make	2. will come - won't let
3. has changed	4. took
5. is going to rain	6. will be watching
7. will be lying	8. came - were

**Hướng dẫn dịch:**

- Thầy của chúng tôi nói rằng công nghệ mới sẽ làm cho nhiều công nhân thất nghiệp trong tương lai.
- Nếu bạn sử dụng người máy để làm việc nhà, bạn sẽ trở nên lười biếng và không tập đủ thể dục.
- Mọi người nói rằng công nghệ đã thay đổi cuộc sống của chúng ta nhưng không phải tất cả sự thay đổi đều tốt cho môi trường.
- Máy vi tính cái mà đã từng chiếm diện tích cả căn phòng ngày nay đủ nhỏ để đặt lên bàn và đặt vào đồng hồ đeo tay.
- Nhìn những đám mây kia – Tôi nghĩ trời sắp mưa.
- Tôi sẽ đang xem phim khoa học viễn tưởng trên tivi 9 giờ tối nay.
- Giờ này tuần tới tôi sẽ đang nằm trên bãi biển của đảo Phú Quốc.
- Thomas Edison nói rằng không có phát minh nào đến tình cờ. Chúng là kết quả của cả quá trình làm việc chăm chỉ.

**5. Use the correct word ... (Sử dụng dạng đúng của các từ trong ngoặc để hoàn thành bài đọc.)**

1. scientist	2. researcher	3. successfully	4. scientific	5. contribution
--------------	---------------	-----------------	---------------	-----------------

**Hướng dẫn dịch:**

Giáo sư Võ Hồng Anh – con gái duy nhất của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Thị Quang Thái là một nhà khoa học Việt Nam nổi tiếng.

Võ Hồng Anh sinh năm 1939. Bà tốt nghiệp đại học Lomonosov, Nga, năm 1965. Khi trở về Việt Nam, bà làm việc như là một nhà nghiên cứu tại viện khoa học quốc gia. Năm 1982 bà đã hoàn thành thành công luận án tiến sĩ toán học và vật lý, và năm 1983 bà được đề cử lên tiến sĩ. Bà tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực toán học và vật lý. Hơn 40 năm nghiên cứu, bà đã có hơn 50 công trình khoa học được xuất bản (hầu như ở nước ngoài). Năm 1983 bà là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên được tặng giải thưởng Kovalevskala vì sự đóng góp của bà đối với khoa học. Bà đã mất năm 2009 ở Hà Nội. Bà là niềm tự hào của phụ nữ Việt Nam.

### **6. Change these sentences into reported speech. (Đổi các câu sang câu gián tiếp.)**

1. He said that he liked to do physics experiments. 2. She told me that I had to keep quiet if I wanted to stay there. 3. She said that she would hand in her assignment to the teacher the next/following day. 4. They announced that the film would begin at seven o'clock. 5. Biologists said that they had never seen that species of lizard before.

#### ***Hướng dẫn dịch:***

1. Anh ấy nói rằng anh ấy thích làm thí nghiệm vật lý. 2. Cô ấy nói với tôi rằng tôi phải giữ im lặng nếu tôi muốn ở lại đó. 3. Cô ấy nói rằng cô ấy sẽ tự tay giao phần được giao cho thầy giáo vào ngày hôm sau. 4. Họ tuyên bố rằng bộ phim sẽ bắt đầu lúc 7 giờ. 5. Các nhà sinh học họ nói rằng họ chưa bao giờ thấy loài thằn lằn đó trước đây.

7. Find a mistake... (Tìm một lỗi trong mỗi câu và sau đó sửa lại cho đúng.)

1. yesterday => the previous day/ the day before

2. wants => wanted

3. exploration => explorer

4. have had => will have

5. has => had

#### ***Hướng dẫn dịch:***

1. Giáo viên nói với chúng tôi rằng chúng tôi sẽ học trong phòng thí nghiệm ngôn ngữ hôm qua.
2. Nick nói bạn ấy muốn ở Việt Nam lâu hơn.
3. Valentina Tereshkova là nhà nữ thám hiểm đầu tiên người đã bay vào không gian năm 1963.
4. Người ta tiên đoán rằng tất cả học sinh sẽ có sách điện tử năm 2050.
5. Mike nói rằng cô ấy phải hoãn lại việc đi đến nha sĩ.

*Giải sách bài tập Anh 8 Speaking trang 39 sách mới*

**1. Work in a small group... (Làm việc trong 1 nhóm nhỏ. Thảo luận các câu đố. Cố gắng tìm ra đáp án cho mỗi câu hỏi.)**

1. A 2. B 3. C 4. B 5. A

6. B 7. A 8. B 9. A 10. A

**2. Work with a partner. Discuss the following questions. (Làm việc với bạn của em. Thảo luận những câu hỏi sau.)**

1. Năm 2060 có là thời gian tốt để sống không? Tại sao?

2. Em nghĩ thành phố/ thị trấn/ làng quê của em sẽ như thế nào trong năm 2060? Những thứ này sẽ như thế nào?

- trường học - đời sống gia đình - giao thông

- thời tiết - giải trí - giao tiếp

**Đáp án:**

1. 2060 won't be a nice time to live. Because, the environment will be polluted more seriously, there will be more dangerous diseases and the criminals will be more violent. It will be unsafe and scaring.

2. Students will go to school only three days a week.

And there won't be any homework.

The school will be modern with automatic facility and computers.

We will use flying car for transport.

We can use telepathy for communication.

We will have the modem devices to forecast the natural disasters.

***Hướng dẫn dịch:***

1. 2060 sẽ không phải là thời điểm tốt để sinh sống. Bởi lẽ, môi trường sẽ bị ô nhiễm nghiêm trọng hơn, sẽ có những căn bệnh nguy hiểm hơn và tội phạm sẽ bạo lực hơn. Nó sẽ không an toàn và thật sợ hãi.

2. Học sinh sẽ chỉ đi đến trường 3 ngày một tuần.

Và sẽ không có bài tập về nhà.

Trường học sẽ hiện đại với trang thiết bị tự động và máy tính.

Chúng ta sẽ sử dụng xe bay để đi lại.

Chúng ta sẽ sử dụng thần giao cách cảm để giao tiếp.

Chúng ta sẽ có những thiết bị hiện đại để dự báo thảm họa thiên nhiên.

*Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 8 Reading trang 40 - 41 sách mới*

**1. Read the passage ... (Đọc bài và chọn đáp án đúng A, B, C hay D cho mỗi chỗ trống.)**

1. B 2. A 3. C 4. D 5. B 6. A

***Hướng dẫn dịch:***

Một người Mỹ, Charles D. Seeberger, đã sản xuất ra thang máy tự động đầu tiên để vận chuyển người vào những năm 1890. Ông đã gọi phát minh này là thang cuốn, lấy tên từ tiếng Latinh “scala”, có nghĩa là cái thang. Thang cuốn di chuyển người lên và xuống những quãng đường ngắn. Thang máy cũng tương tự, nhưng chỉ di chuyển một số lượng nhỏ người. Thang cuốn có dung tích có thể di chuyển nhiều người cùng một lúc, và họ có thể thay được đặt cùng không gian với nhau vì nó có thể được lắp theo bậc. Một thang cuốn không hoạt động có thể được sử dụng như

cầu thang bình thường, trong khi nhiều băng tải trở nên vô dụng khi chúng hư hỏng.

Cuối thế kỷ 19, các thành phố trở nên đông đúc hơn và những thang cuốn đầu tiên đã được xây dựng ở các nhà ga và trong các cửa hàng bách hóa lớn để mà người ta có thể di chuyển nhanh hơn. Ngày nay chúng ta nhìn thấy thang cuốn khắp nơi.

## 2. Read the conversation ...(Đọc bài đối thoại và chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi.)

1. B 2. A 3. B 4. C 5. A

### *Hướng dẫn dịch:*

Timothy: Chào, Hisa! Bạn khỏe không?

Hisa: Mình khỏe, cảm ơn bạn, bạn khỏe không?

Timothy: Tốt. Hisa nè, bạn đã nói với mình rằng bạn có 1 nỗi lo ngại về Nhật Bản. Đó là gì vậy?

Hisa: Đó là những máy bán hàng. Mỗi ngày bạn bắt gặp chúng rất nhiều trên đường. Mình không nghĩ chúng ta cần nhiều như thế. Chúng tiêu thụ nhiều năng lượng, điều này thật sự làm mình lo lắng.

Timothy: Ok, vậy bạn muốn làm gì với những chiếc máy này? Bạn có muốn thêm luật chống lại chúng, hay...?

Hisa: À, chúng thật sự làm cho quang cảnh xấu xí hơn. Nếu chúng ta mua nước uống và bánh ở nhà, chúng ta có thể bỏ bớt đi nhiều máy. Sau đó chúng ta sẽ có thêm không gian cho những con đường. Hiện tại đường ở Nhật Bản quá hẹp. Nó thật nguy hiểm.

Timothy: Bạn nói rằng bạn có thể nhìn thấy máy bán hàng ở những nơi lạ ở Nhật Bản như những vùng xa xôi ở nông thôn hay trên núi?

Hisa: Ừm. Ví dụ như có 1 cái trên đỉnh núi Phú Sĩ. Thật đáng ngại.

Timothy: Trên cả con đường đến đỉnh núi Phú Sĩ à?

Hisa: Ừm. Những người leo núi không thích điều đó. Họ không muốn chúng ta đặt máy bán hàng trên những ngọn núi khác nữa.



Timothy: Yeah, thật là điên rồ.

**3. Read the text...(Đọc bài và chọn 1 từ / cụm từ trong danh sách để điền vào mỗi chỗ trống.)**

1. get information 2. says 3. that activity 4. the field 5. addictive

**Hướng dẫn dịch:**

Người ta ước tính rằng có khoảng 3 tỉ người sử dụng Internet trên khắp thế giới. Hầu hết mọi người sử dụng Internet để nhận thông tin hoặc giải trí. Tuy nhiên, một nghiên cứu mới đây cho chúng ta thấy rằng gần 10% những người đang sử dụng nó quá thường xuyên đến nỗi mà gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của họ. Nghiên cứu cho thấy rằng những người này cảm thấy khó khăn khi dừng sử dụng Internet bởi vì họ đã bị nghiện. Một số người bị nghiện cảm thấy cực kỳ khó khăn khi ngừng hoạt động này. Theo một nhà tâm lý học trong lĩnh vực này, 30% người sử dụng Internet tuyên bố rằng họ dùng Internet để trốn tránh những vấn đề của họ. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng, tán gẫu, hay thảo luận với những người xa lạ trên Internet là một trong những hoạt động gây nghiện nhất.

**Giải sbt Tiếng Anh 8 mới Writing trang 42**

**1. Write meaningful sentences, using the words and phrases given. (Viết các câu có nghĩa, sử dụng các từ và cụm từ được cho.)**

1. At the club we asked Dr. Nelson a lot of questions concerning our life in the future.
2. All our house work will be done by robots in 20 years' time.
3. Albert Einstein's theories have made a great contribution to the development of modern Science.
4. Duong said that he liked to study at home on the Internet.
5. Dr. Nelson said that flying cars would solve the problem of traffic jams.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Ở câu lạc bộ, chúng tôi hỏi giáo sư Nelson nhiều câu hỏi liên quan đến cuộc sống của chúng ta trong tương lai.

2. Tất cả việc nhà của chúng ta sẽ được người máy làm trong 20 năm nữa.
3. Lý thuyết của Albert Eistein đã đóng góp cho sự phát triển của khoa học hiện đại.
4. Dương nói rằng anh ấy thích học ở nhà trên Internet.
5. Giáo sư Nelson nói rằng xe bay sẽ có thể giải quyết vấn đề kẹt xe.

**2. Rewrite these sentences using direct speech. (Viết lại những câu sau sử dụng câu gián tiếp.)**

1. Phong said: "I have had a talk with Dr. Nelson."
2. Chau said: "I want to become a chef."
3. "I've been given a new laptop." Michael told me.
4. "I'm going to join the Science Club." She said.
5. He said: "The brain uses up twenty-five percent of the oxygen we breathe in."

**Hướng dẫn dịch:**

1. Phong nói: "Tôi có một cuộc nói chuyện với giáo sư Nelson."
2. Châu nói rằng "Tôi muốn trở thành một đầu bếp."
3. "Tôi đã từng được tặng một máy tính xách tay mới.", Michael nói với tôi.
4. "Tôi sẽ tham gia câu lạc bộ Khoa học.", cô ấy nói.
5. Anh ấy nói: "Não bộ sử dụng 25% ôxi chúng ta thở."

**3. Write a paragraph of about 100 words on the following topic. (Viết một đoạn văn khoảng 100 từ về chủ đề sau.)**

Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến sau?

Phát minh ra các trò chơi trên máy tính gây ra nhiều vấn đề cho trẻ em.

Bạn có thể suy từ những yếu tố sau:

- Thời gian (lãng phí hay không lãng phí)
- Sức khỏe (ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực)
- Não (ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực)

***Đáp án:***

I agree the idea that the invention of Computer games causes a lot of problems for children.

Firstly, the children waste a lot of time to play them and do not spend time on studying. Their study result usually become worse. Moreover, they don't have time to join other outside activities that are good for their health.

Secondly, playing too much causes health problem. They can feel anxious, tired and can not have good energy for life and study.

Thirdly, the games influence their brain because they have violent sounds, messages and images that make them imaginative of the visual life. Their behavior can be negative and aggressive.

In short, in my opinion, the computer games are not good for children at all.

***Hướng dẫn dịch:***

Tôi đồng ý với ý kiến rằng phát minh ra trò chơi vi tính gây nên nhiều vấn đề cho trẻ em.

Đầu tiên, trẻ con lãng phí nhiều thời gian chơi game và không dành nhiều thời gian cho việc học. Kết quả việc học của chúng thường tệ hơn. Hơn nữa, chúng không có thời gian tham gia những hoạt động ngoài trời tốt cho sức khỏe.

Thứ hai, chơi quá nhiều gây nên vấn đề sức khỏe. Chúng có thể cảm thấy mệt mỏi, lo lắng và không thể có năng lượng tốt cho cuộc sống và việc học.

Thứ ba, những trò chơi ảnh hưởng đến não của chúng bởi vì trò chơi có âm thanh, tin nhắn và hình ảnh bạo lực mà làm cho chúng hoang tưởng về cuộc sống ảo. Hành vi của chúng có thể tiêu cực và hung hãn.

Nói tóm lại, theo ý mình, trò chơi vi tính là không tốt cho trẻ em chút nào.

**CLICK NGAY** vào **TẢI VỀ** dưới đây để download tài liệu giải bài tập SBT Tiếng anh lớp 8 **Unit 11: Science and technology** sách mới được tổng hợp chi tiết, hay nhất với file word, pdf hoàn toàn miễn phí. Chúc các em học sinh đạt được những kết quả tốt trong kỳ thi sắp tới.